

Số: /2022/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động
khai thác, sử dụng tài nguyên biển 05 năm (2021-2026)
trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của
Chính phủ Quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân
khai thác, sử dụng tài nguyên biển;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (tại Tờ Trình số
330/TTr-STNMT ngày 04 tháng 11 năm 2021; Văn bản số 347/STNMT-BHĐ
ngày 26 tháng 01 năm 2022).*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển 05 năm (2021-2026) trên địa bàn tỉnh Phú Yên khi tổ chức, cá nhân được UBND tỉnh giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định tại Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

2. Quyết định này không áp dụng đối với trường hợp sử dụng khu vực biển vào mục đích quốc phòng, an ninh.

3. Quyết định này không áp dụng đối với các tổ chức cá nhân sử dụng khu vực biển cho các hoạt động theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2011 của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng cho các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Điều 3. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển

1. Các hoạt động sử dụng khu vực biển phải nộp tiền sử dụng khu vực biển được phân thành 06 nhóm theo mục đích sử dụng như sau:

a) Nhóm 1: Sử dụng khu vực biển để nhận chìm;

b) Nhóm 2: Sử dụng khu vực biển để làm cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí ngoài khơi và các cảng, bến khác; làm vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, luồng hàng hải chuyên dùng, các công trình phụ trợ khác; vùng nước phục vụ hoạt động của cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu thuyền, xây dựng cảng tàu vận tải hành khách; vùng nước phục vụ hoạt động nhà hàng, khu dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao trên biển; khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch; khai thác dầu khí; khai thác khoáng sản; trục vớt hiện vật, khảo cổ;

c) Nhóm 3: Sử dụng khu vực biển để xây dựng cáp treo, các công trình nổi, ngầm, lấn biển, đảo nhân tạo, xây dựng dân dụng và các công trình khác trên biển;

d) Nhóm 4: Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống đường ống dẫn ngầm, lắp đặt cáp viễn thông, cáp điện;

đ) Nhóm 5: Sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, xây dựng cảng cá;

e) Nhóm 6: Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều, dòng hải lưu và các hoạt động sử dụng khu vực biển khác.

2. Các nhóm hoạt động sử dụng khu vực biển và mức thu tiền sử dụng khu vực biển:

a) Nhóm 1: Giá áp dụng tính tiền sử dụng khu vực biển là 20.000 đồng/m³;

b) Nhóm 2: Giá áp dụng tính tiền sử dụng khu vực biển là 7.000.000 đồng/ha/năm;

c) Nhóm 3: Giá áp dụng tính tiền sử dụng khu vực biển là 7.500.000 đồng/ha/năm;

d) Nhóm 4: Giá áp dụng tính tiền sử dụng khu vực biển là 6.250.000 đồng/ha/năm;

đ) Nhóm 5: Giá áp dụng tính tiền sử dụng khu vực biển là 5.750.000 đồng/ha/năm;

e) Nhóm 6: Giá áp dụng tính tiền sử dụng khu vực biển là 7.500.000 đồng/ha/năm.

3. Trường hợp trong cùng một khu vực biển có nhiều hoạt động sử dụng khu vực biển theo các mục đích khác nhau nhưng không xác định được diện tích riêng cho mỗi mục đích sử dụng thì áp dụng mức thu cao nhất trong số các mục đích sử dụng để tính tiền sử dụng khu vực biển trong khu vực biển được giao cho tổ chức, cá nhân.

4. Đối với những hoạt động sử dụng khu vực biển chưa có quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển thì mức thu tiền sử dụng khu vực biển cho các hoạt động này là 5.250.000 đồng/ha/năm.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển ban hành tại Điều 3 Quyết định này và đề nghị của các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ xin giao khu vực biển, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh xem xét, ban hành quyết định giao khu vực biển, trong đó ghi cụ thể hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển và số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp tương ứng với từng hình thức theo quy định.

2. Phương thức thu và xác định số tiền sử dụng khu vực biển; trình tự, thủ tục thu nộp tiền sử dụng khu vực biển; kinh phí cho nhiệm vụ giao khu vực biển thực hiện theo quy định tại Điều 35, Điều 36, Điều 37 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

3. Trong quá trình triển khai Quyết định này, nếu phát sinh vướng mắc thì các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Cục Thuế tỉnh tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Cục Thuế tỉnh, các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển hướng dẫn, triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày tháng 03 năm 2022.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 17/10/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh.

3. Các trường hợp được UBND tỉnh quyết định giao khu vực biển theo quy định tại Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ quy định việc giao khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo hình thức trả tiền hằng năm, 05 năm trước ngày có hiệu lực của Quyết định này thì khung giá tiền sử dụng khu vực biển và mức thu tiền sử dụng khu vực biển cho các năm tiếp theo thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh(b/c);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Trung tâm truyền thông (VPUBND tỉnh);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Thị Nguyên Thảo